

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y THUỘC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
*	Lĩnh vực Chăn nuôi (07 TTHC)							
01	01	Công nhận kết quả khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi (1.014741)	10 ngày làm việc.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không.	-Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường (<i>Sau đây gọi tắt là Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội</i>); -Thông tư số 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Chăn nuôi (<i>Sau đây gọi tắt là Thông tư số 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i>); -Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ	Phân cấp; Cắt giảm thời gian giải quyết. (hiệu lực từ 01/7/2026)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>Nông nghiệp và Môi trường (Sau đây gọi tắt là <i>Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT</i> ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường);</p> <p>-Quyết định số 1878/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Sau đây gọi tắt là <i>Quyết định số 1878/QĐ-BNNMT</i> ngày 22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường);</p> <p>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội (Sau đây gọi tắt là <i>Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND</i> ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội);</p> <p>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là</p>	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội).</i>	
02	02 Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi (1.014743)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	Không.	-Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; -Thông tư số 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1878/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.	Phân cấp; Cắt giảm thời gian giải quyết. (hiệu lực từ 01/7/2026)
03	03 Thông báo phương án chăn nuôi, phương án quản lý và kiểm soát nguy cơ rủi ro trong hoạt động chăn nuôi ruồi lính đen (1.014951)	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ	Không.	-Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Thông tư số 66/2025/TT-BNNMT ngày 21/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông	Phân cấp; Cắt giảm thời gian giải quyết. (hiệu lực từ 01/7/

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
				trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.		<p>ng nghiệp và Môi trường Quy định về chăn nuôi động vật khác thuộc Danh mục động vật khác được phép chăn nuôi và truy xuất nguồn gốc sản phẩm chăn nuôi (<i>Sau đây gọi tắt là Thông tư số 66/2025/TT-BNNMT ngày 21/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i>);</p> <p>-Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</p> <p>-Quyết định số 1878/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</p> <p>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.</p>	2026))	
04	04	Thông báo phương án chăn nuôi, phương án quản lý và kiểm soát nguy cơ rủi ro trong hoạt động chăn nuôi bò cạp trên địa bàn tỉnh (1.014958)	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ	Không.	<p>-Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội;</p> <p>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;</p> <p>-Thông tư số 66/2025/TT-BNNMT ngày 21/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</p> <p>-Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</p> <p>-Quyết định số 1878/QĐ-BNNMT ngày</p>	Cắt giảm thời gian giải quyết

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
				qua dịch vụ bưu chính.		22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.		
05	05	Cấp mã số định danh cơ sở chăn nuôi (1.014952)	- Trường hợp kê khai hoạt động chăn nuôi áp dụng với tất cả các cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải kê khai chăn nuôi: Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi tự động cấp mã số định danh cho cơ sở ngay khi hoàn thành kê khai hoạt động chăn nuôi trên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi. - 01 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kê khai trên Hệ	Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi tại địa chỉ tên miền csdlchannuoi.mae.gov.vn.	Trực tuyến toàn trình trên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi.	Không.	-Thông tư số 66/2025/TT-BNNMT ngày 21/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1878/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.	Phân cấp; Cắt giảm thời gian giải quyết. (hiệu lực từ 01/7/2026))

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
		thống cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi (đối với cơ sở chăn nuôi không thuộc đối tượng phải kê khai chăn nuôi, cơ sở thu gom, giết mổ, pha lóc, sơ chế, chế biến, kinh doanh sản phẩm chăn nuôi, cơ sở kinh doanh chăn nuôi khác).						
06	06	Thu hồi mã số định danh cơ sở chăn nuôi (1.014953)	Không quy định.	Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi tại địa chỉ tên miền csdlchannuoi.mae.gov.vn.	Trực tuyến toàn trình trên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi.	Không quy định.	-Thông tư số 66/2025/TT-BNNMT ngày 21/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1878/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.	Phân cấp (hiệu lực từ 01/7/2026)
07	07	Cấp lại mã số định danh cơ sở chăn	Không quy định.	Hệ thống cơ sở dữ	Trực tuyến toàn trình trên	Không quy định	-Thông tư số 66/2025/TT-BNNMT ngày 21/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông	Phân cấp (hiệu lực

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
	nuôi (1.014954)		liệu quốc gia về chăn nuôi tại địa chỉ tên miền csdlchannuoi.mae.gov.vn.	Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi.		nghiệp và Môi trường; -Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1878/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.	từ 01/7/2026)	
*	Lĩnh vực Thú y (02 TTHC)							
08	01	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh động vật cấp tỉnh; vùng an toàn dịch bệnh động vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc phục vụ xuất khẩu trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương thẩm định, cấp Giấy chứng nhận)	- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: Trong thời hạn 13 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời hạn giải quyết không bao gồm thời gian tổ	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.	-Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần (căn cứ Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y ban hành kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; -Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); -Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y	Phân cấp 1 phần; Cắt giảm thời gian giải quyết. (hiệu lực từ 01/7/2026)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; thời gian khắc phục sai lỗi; thời gian chờ kết quả xét nghiệm trong trường hợp phải lấy mẫu xét nghiệm).			-Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	<p>(Sau đây gọi tắt là Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính);</p> <p>-Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 283/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính);</p> <p>-Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về Chăn nuôi và Thú y (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường);</p> <p>-Thông tư số 20/2026/TT-BNNMT ngày 03/4/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2022/TT-BNNMT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 20/2026/TT-BNNMT ngày 03/4/2026 của</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
						<p><i>Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i>);</p> <p>-Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (<i>Sau đây gọi tắt là Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i>);</p> <p>-Quyết định số 1878/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</p> <p>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.</p>		
09	02	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc phục vụ xuất khẩu trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu	- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.	Các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ	-Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần (căn cứ Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y ban hành kèm theo Thông tư	-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; -Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;	Phân cấp 1 phần; Cắt giảm thời gian giải quyết. (hiệu lực từ 01/7/2026)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<p> cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương thẩm định, cấp Giấy chứng nhận)</p>	<p>(Thời hạn giải quyết không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; thời gian khắc phục sai lỗi; thời gian chờ kết quả xét nghiệm trong trường hợp phải lấy mẫu xét nghiệm).</p>		<p>qua dịch vụ bưu chính.</p>	<p>số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính). -Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	<p>-Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Thông tư số 20/2026/TT-BNNMT ngày 03/4/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 1878/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.</p>	



Phụ lục II**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày tháng năm 2026 của
Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)

STT	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ	
*	Lĩnh vực Chăn nuôi (01 TTHC)			
01	01	Thủ tục hành chính số 16 Phụ lục Quyết định số 733/QĐ-TTPVHCC ngày 18/5/2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội.	Thông báo phương án chăn nuôi, phương án quản lý và kiểm soát nguy cơ rủi ro trong hoạt động chăn nuôi bò cạp trên địa bàn tỉnh (1.014958)	Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT
*	Lĩnh vực Thú y (04 TTHC)			
02	02	Thủ tục hành chính số 30 Phụ lục Quyết định số 733/QĐ-TTPVHCC ngày 18/5/2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu) (1.011475)	Điều 13 Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT
03	03	Thủ tục hành chính số 31 Phụ lục Quyết định số 733/QĐ-TTPVHCC ngày 18/5/2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu) (1.011477)	Điều 13 Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT
04	04	Thủ tục hành chính số 32 Phụ lục Quyết định số 733/QĐ-TTPVHCC ngày 18/5/2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội.	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu) (1.011478)	Điều 13 Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT
05	05	Thủ tục hành chính số 33 Phụ lục Quyết định số 733/QĐ-TTPVHCC ngày 18/5/2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội.	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu) (1.011479)	Điều 13 Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT

